

Bản án số: 68/2025/HS-PT
Ngày 23/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo Trần Văn G, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn G, sinh ngày 01/01/1982, tại huyện M tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (chết) và bà Lâm Thị T (chết); vợ và con chưa có; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/11/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Trần Thúy H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; là cháu ruột bị cáo. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn B, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị hại: Ông Trần Hoàng V, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn G và bị hại Trần Hoàng V là hàng xóm với nhau. Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/3/2019, sau khi nhậu xong, G đi đến đứng trước nhà ông V mục đích là kêu ông V ra nói chuyện, vì G cho rằng ông V đã xây nhà lấn qua đất và đốn lá trên đất của G, cũng như đào đất của nhà G để đắp qua phần đất của ông V. Nghe tiếng của G, ông V đi ra và hai bên cự cãi nhau, nhưng lúc này bà Nguyễn Thị L (vợ ông V) đi ra can ngăn, kéo ông V vào nhà và kêu G đi về nhà, có gì sáng mai nói chuyện thì G bỏ về. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, do vẫn còn tức giận chuyện vừa cự cãi nên G cầm theo 01 cây dao yếm rồi tiếp tục quay lại đứng trước nhà của ông V, kêu ông V ra nói chuyện. Lúc này ông V đi ra nói với G: *"Mày đi về đi, mày lại quậy hoài sao vợ chồng tao ngủ được"*, đồng thời dùng tay xô đẩy để đuổi G đi về, Trong lúc bị ông V đẩy thì G dùng cây dao đã chuẩn bị từ trước cầm trên tay phải chém 01 cái trúng vào khuỷu tay phải của ông V gây thương tích, thấy vậy bà L mới vô can ngăn, la lên kêu cứu, khi thấy trên người ông V có máu thì G quăng cây dao bỏ ở chỗ đồng đá gần đó rồi bỏ về chòi của mình.

Sau khi sự việc xảy ra, ông V được người nhà đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng cấp cứu, điều trị thương tích từ ngày 17/3/2019 đến ngày 21/3/2019 thì ra viện. Đến ngày 21/5/2019, ông V có đơn tố giác G gây thương tích cho mình. Quá trình điều tra, G thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 98/TgT-PY ngày 24/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng đối với Trần Hoàng V kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo hình "Z" phía ngoài móm khuỷu phải, kích thước: 17cm x 0,2cm. Cứng khớp khuỷu phải. Gãy móm khuỷu phải do bị chém. Đã được phẫu thuật còn dụng cụ kết hợp xương.

2. Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế hiện tại là 15%.

3. Kết luận khác: Tổn thương do vật sắc gây nên. Tổn thương vùng khuỷu phải không nằm ở vùng nguy hiểm đến tính mạng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 06/2025/KLGD ngày 10/01/2025 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực T tại thành phố Cần Thơ, kết luận:

1. Kết luận theo tiêu chuẩn y học:

Căn cứ Tiêu chuẩn chẩn đoán của Tổ chức Y tế Thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10).

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần, các Giám định viên tham gia giám định xác nhận đối tượng giám định Trần Văn G trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội

“Cố ý gây thương tích” vào ngày 16/3/2019 và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70 - ICD10).

2. Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” vào ngày 16/3/2019 và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi”.

Tại Công văn số 06.1/PYTTCNB ngày 10/01/2025 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực T tại thành phố Cần Thơ, về việc giải thích kết luận giám định pháp y tâm thần trường hợp Trần Văn G, Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực T tại thành phố Cần Thơ có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” vào ngày 16/3/2019 và hiện tại: Đang sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Trần Văn G 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bị bắt để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 04/4/2025, bị cáo G có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Cũng ngày 04/4/2025, bị hại V có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo G được hưởng án treo, đồng thời yêu cầu G bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần với số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo G không rút kháng cáo.

Bị hại V xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu bị cáo G bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 2.000.000 đồng, với lý do sau khi kháng cáo, bị cáo G đã bồi thường cho ông xong.

Người bào chữa cho bị cáo G cho rằng: Theo kết quả giám định, hiện tại bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và bị xử phạt tù không quá 03 năm; bị hại cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng đã bồi thường thêm cho bị hại được 2.000.000 đồng thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì mới răn đe, giáo dục được. Theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình

sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo G đủ điều kiện để được hưởng án treo; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị cáo G và bị hại V là hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại V xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu bị cáo bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 2.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phần kháng cáo này. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo G và bị hại V, về việc xin cho bị cáo G được hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng cho bị cáo G được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo G và bị hại V đảm bảo về hình thức và nội dung kháng cáo, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu bị cáo G bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 2.000.000 đồng, với lý do sau khi ông kháng cáo, G đã bồi thường cho ông xong. Xét thấy, phần kháng cáo này không liên quan đến kháng cáo khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyết định đình chỉ xét xử phần kháng cáo này.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo G và của bị hại V, về việc xin cho bị cáo G được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Về tội danh áp dụng đối với bị cáo G, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định: Bị cáo G và bị hại V là hàng xóm với nhau, G cho rằng ông V đã xây nhà lấn qua đất, đốn lá trên đất của G, đào đất của nhà G đắp qua đất ông V nên vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/3/20219, sau khi uống rượu xong, G đi qua đứng trước nhà ông V hai người cự cãi với nhau, bà L (vợ ông V) ra can ngăn, G bỏ về. Khoảng 30

phút sau, do vẫn còn tức giận chuyện vừa cự cãi, G cầm theo 01 cây dao yếm tiếp tục quay lại đứng trước nhà ông V kêu ông V ra nói chuyện, ông V đi ra kêu G về, đồng thời dùng tay xô, đẩy để đuổi G về, lúc này G cầm cây dao bằng tay phải chém 01 cái trúng vào khuỷu tay phải của ông V, bà L ra can ngăn, kêu cứu, G thấy trên người ông V có máu nên quăng bỏ cây dao ở đồng đá gần đó rồi bỏ về chòi của mình, còn ông V thì được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị thương tích. Theo kết luận giám định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho ông V hiện tại là 15%. Như vậy, hành vi của G dùng cây dao yếm là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông V 15% đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích, thuộc trường hợp định khung tăng nặng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo G phạm tội cố ý gây thương tích, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo G, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ, đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do mình gây ra theo yêu cầu của bị hại trong quá trình điều tra (2.000.000 đồng); bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do có bệnh lý tâm thần; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức pháp luật hạn chế; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật này, xử phạt bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bị cáo G bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng; hiện tại bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; sau khi ông V kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 2.000.000 đồng thì bị cáo cũng đã bồi thường xong, thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo; nếu cho bị cáo hưởng án treo thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, mà cố gắng tự cải tạo, học tập, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[7] Như vậy, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại, áp dụng điểm b

khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo G được hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo G và bị hại V không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phần kháng cáo của bị hại Trần Hoàng V, về việc yêu cầu bị cáo Trần Văn G bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn G, về việc xin được hưởng án treo.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Hoàng V, về việc xin cho bị cáo Trần Văn G được hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 23 tháng 6 năm 2025).

Giao bị cáo Trần Văn G cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Văn G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Văn G cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn G và bị hại Trần Hoàng V không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- VKSND h. Mỹ Xuyên (01);
- TAND h. Mỹ Xuyên (02);
- CQCSĐT - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS h. M (01);
- Bị cáo (01);
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo (01);
- Người bào chữa cho bị cáo (01);
- Bị hại (1);
- P TTrKT&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm